TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 24-7-2018.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Ngô Văn Bình.
Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Ngọc H - Sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P - Sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 25 tháng 5 năm 2018, nguyên đơn là chị Trương Ngọc H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, anh chị chung sống được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P hay đánh chị. Vì thương con nên chị cố gắng tiếp tục cuộc sống chung để chăm lo cho gia đình nhưng anh P không có sự thay đổi, đến tháng 6 năm 2016 anh P cùng mẹ chồng đuổi chị ra khỏi nhà nên từ đó chị và anh P sống ly thân cho đến nay. Cho

rằng không thể sống chung với nhau được nữa nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh P.

Chị và anh Nguyễn Văn P có hai người con chung là: Nguyễn Thị Cẩm L - Sinh ngày 31/12/1995 và Nguyễn Thị Cẩm P - Sinh ngày 07/10/2000. Chị H yêu cầu được nuôi người con chung chưa thành niên giữa chị với anh Nguyễn Văn P là: Nguyễn Thị Cẩm P (hiện đang sống chung với chị H), không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Riêng người con lớn là Nguyễn Thị Cẩm L đã thành niên, có khả năng lao động nên chị H không có yêu cầu gì liên quan đến người con này.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H trình bày là không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 25 tháng 5 năm 2018, bị đơn là anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh và chị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Về nguyên nhân phát sinh tranh chấp thì anh P cho rằng vì tính nóng nảy nên cách nay khoảng hai năm thì anh có đánh chị H nên chị H mới bỏ nhà đi, sau đó anh có đến năn nỉ, đón chị H trở về nhưng chị H không đồng ý. Anh P cho rằng do chị H có quen biết với người đàn ông khác nên mới yêu cầu ly hôn với anh. Do anh vẫn còn thương chị H nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về nuôi con chung: Anh và chị H có hai người con chung như chị H trình bày. Anh không có yêu cầu gì liên quan đến người con lớn là Nguyễn Thị Cẩm L vì đã thành niên, có gia đình riêng, có khả năng lao động. Riêng người con nhỏ thì đang sống chung với chị H, anh đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi người con nhỏ là Nguyễn Thị Cẩm P.

Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh P xác định là không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Trương Ngọc H vẫn giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu như đã nêu trên. Anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giữa chị H và anh P không làm phát quyền, nghĩa

vụ giữa vợ và chồng. Về con chung: Giao cho chị H được quyền nuôi người con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Cẩm P. Về tài sản, chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trương Ngọc H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với anh Nguyễn Văn P có địa chỉ tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn P vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Lời trình bày của chị Trương Ngọc H, anh Nguyễn Văn P về việc chung sống với nhau như vợ chồng là thống nhất với nhau và phù hợp với nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B và Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nên có đủ cơ sở xác định: Chị Trương Ngọc H và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị H có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh P. Do chị H và anh P không phải là vợ chồng nên không làm phát sinh việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[4] Về nuôi con chung:

[4.1] Chị H và anh P có hai người con chung là: Nguyễn Thị Cẩm L - Sinh ngày 31/12/1995 và Nguyễn Thị Cẩm P - Sinh ngày 07/10/2000. Chị H yêu cầu được nuôi người con nhỏ là Nguyễn Thị Cẩm P, người con này cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với chị H, anh P cũng đồng ý để chị H được quyền nuôi con nên giao cho chị H được quyền nuôi người con nhỏ là phù hợp. Riêng người con lớn là Nguyễn Thị Cẩm L đã thành niên, có khả năng lao động, chị H, anh P không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét.

[4.2] Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về về tài sản, về nợ: Chị H, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Ngọc H là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Không công nhận chị Trương Ngọc H và anh Nguyễn Văn P là vợ chồng.

2/ Về nuôi con chung:

2.1) Chị Trương Ngọc H được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa chị với anh Nguyễn Văn P là Nguyễn Thị Cẩm P - Sinh ngày 07 tháng 10 năm 2000 (người con này đang sống chung với chị H). Chị Trương Ngọc H không yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con nên anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2) Anh Nguyễn Văn P có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Nguyễn Văn P lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Trương Ngọc H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P.

2.3) Vì lợi ích của con chung, chị Trương Ngọc H, anh Nguyễn Văn P, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.4) Riêng người con lớn là Nguyễn Thị Cẩm L - Sinh ngày 31/12/1995, đã thành niên, có khả năng lao động, chị H, anh P không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản, về nợ: Chị Trương Ngọc H, anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0016498 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre, chị Trương Ngọc H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Chị Trương Ngọc H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên